

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3

(Phần Thượng)

“Giáo Bồ-tát Pháp” nêu rõ nhân người sở y. Từ đây trở đi vẫn kèm (đôi) danh khác để giải thích, nên thêm dùng “xứ”. “Xứ” là một pháp năng sinh, một pháp chỉ là tướng cứu cánh, cho nên nói “đế lý”, đế lý mới cùng Pháp Hoa không sai khác, cho nên Đức Phật Đấng Minh tán thán kinh Pháp Hoa cũng gọi là “Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”. “Cho nên được dẫn...” đều khiến các văn lấy đó làm chứng, chứng nghĩa xứ. Do đó, tên kinh nơi Tựa chỉ nói Vô Lượng Nghĩa thôi! Vì kiêm Chánh nên “Giáo Bồ-tát Pháp” thêm “xứ”. “Thủ... Tam-muội” là đến Thông giải thích khiến hai “Xứ Nghĩa” đều cùng có ở Tựa và Chánh. Gia Tường nói: “Đây có hai nghĩa: 1. Thật tướng gọi là vô lượng. 2. Thật tướng sở sinh gọi là vô lượng”. Nay nói tên “Vô lượng” có thể gọi là sở sinh, xưng “Thật tướng” nên coi là năng sinh. Tuy lập năng sở mà đều gọi là “Vô lượng” thì chưa thể được, nếu đối pháp khác gọi là năng sinh gọi là thật tướng, đây thì có thể được. Chỉ giải thích ý Tựa như vậy thì đều không đúng. Kinh tự giải thích nói: “Vô lượng nghĩa từ một pháp sinh, sinh tức sở sinh một pháp, năng sinh tức thật tướng”. Xưa nay người tài giỏi sao được dùng năng sinh giải thích? Cho nên luận nói: Đây là lúc Như Lai muốn nói pháp đến chỗ thành tựu. Vì nói “muốn nói”, thì chẳng phải tức hoàn toàn giống. Nếu hoàn toàn giống, thì tức là “đã nói”, cho nên luận tồn Tựa, mới nói rằng muốn nói. Ý kiêm nơi Chánh, tức làm tên khác. Luận hai đường kia nay giải thích-căn cứ theo kia, cũng thuận hạ văn Tam-muội làm tán thán. Nếu sở nhập Tam-muội chỉ y sở sinh liệt danh thì nên chỉ nói vô lượng. Cho nên biết tên kinh văn tại sở sinh, ý kiêm năng xuất, thì sở nhập Tam-muội nghĩa ắt song hợp. Do đó trước hiểu, luận nói: Muốn nói kinh này thì phải trước nhập định này. Nay từ kinh tiêu biểu biên hạn, lại dùng nghĩa xứ tán thán, và dẫn văn chứng hoàn toàn tại kinh này. “Phật hộ niệm”: Quả nhân (người) sở hộ, đã là năng sinh Vô lượng nghĩa xứ, lại là Phật sở chứng

đắc, lẽ nào Phật sở chứng mà không phải thật tướng? Cho nên dẫn tự trụ mà lấy làm chứng. Xưa chưa nói, nên gọi là “hộ”, căn cứ pháp căn cứ cơ đều “hộ niệm”. Từ “Tuy muốn” trở xuống là nêu rõ ý hộ niệm, bản ý Phật muốn chỉ nói năng sinh, cho nên nói Vô Lượng Nghĩa mà thời cơ vẫn chưa phát, ẩn mà không nói, cho nên nói “hộ niệm”. “Cho nên Vô Lượng Nghĩa...” nói một hộ niệm cũng thành hai hướng. Chỉ vì kinh kia vẫn tuy nói “từ một xuất nhiều”, chưa nói “từ nhiều qui một”, cũng là tướng che chở, gọi là “hộ niệm”. Nếu không vậy, thì đã thuyết Pháp Hoa sao gọi là Tựa. Do vì chưa nói, nên nói “tuy muốn khai thị...”. Do chưa nói nên “hộ”, chưa tùy thích nên “niệm”. Nói “Im lặng lâu “là từ xưa đến nay, tóm lược ý đây tư duy có thể biết. Nếu chỉ từ sở sinh chẳng chuyên Phật hộ niệm, thì tại xưa Thông thuyết không thời nào không như vậy. Cho nên Pháp Hoa luận nói: “Liên hoa” có hai nghĩa: 1. Ra khỏi mặt nước. 2. Mở bày. Kia như Hoa ra khỏi mặt nước, đây như Mở bày, do đó vẫn gọi là “liên”, cho nên, “hoa” chỉ có sai khác là chưa nở sẽ nở ra.

“Giải thích nhập định”: trước nêu định sở nhập, tiếp nêu thân tâm năng nhập. Trong phần đầu có ba: 1. Kết ý nhập. 2. Từ “Phi thiên...” : giải thích kết ý. 3. Từ “Người nghi...” : giải thích nghi. Kết ý nhập: Lại căn cứ kinh kia và định kia mà tương thành, lý có thể thấy. Tiếp, Giải thích kết ý, lại có hai: Đầu, nêu dụng của định tuệ, xen lẫn có giúp đỡ lẫn nhau đều có lực dụng. Tiếp, nêu tương tức, tức thể của định tuệ. Đầu, “tương thành”: “trước nói, sau định” là từ Tựa mà nói, “trước định, sau nói” thì như phần giải thích nghi bên dưới. Quả vị Đức Phật ắt không có trước sau, vì thuận nghi thức giáo hóa mà hiện có trước sau, xét kỹ mà luận thì thể kia tương tức. Tiếp, lập nghi: Lại y Tựa hỏi: Phàm các nghi thức giáo hóa đều “trước định, sau nói”, trong đây sao lại dùng trước nói sau định? Trong phần đáp, trước thuận ý hỏi, đáp là nghi thức thông thường của Phật, tiếp, trình bày định ý, muốn nêu một định mà nghĩa phân hai cách. Tiếp, “Thuyết kinh này...”: thuật làm ý tựa, thời nay, vì sao “trước nói, sau định”? Nghi thức thông thường thì thuyết rồi thì hội chúng đáng lẽ giải tán, cho nên lại nhập định đây để chấn chỉnh hiện chúng, chúng đã không tan được gọi là Tựa nay. Tiếp, “Vì sao...” là thuật làm Chánh ý, do nghĩa trong một định bao gồm hai ý. Ý tuy lại có hai: mà chúng lúc ấy chỉ thấy sau khi nói kinh Vô Lượng Nghĩa, Phật liền nhập định, không biết sở nhập gọi là định gì! Không biết sau định thì Phật nói pháp gì! Cho nên người kết tập lại phù hợp ý chỉ của Phật thuật lại kinh mà Phật đã thuyết, chỉ nói “Vô Lượng”, thuật

sở nhập định tức thêm “Xứ”. Hoặc từ Nghĩa Xứ để xuất Vô Lượng, hiển thành ý Tựa. Hoặc thu Vô Lượng để nhập Nghĩa Xứ, mật thành Chánh tông; tuy thêm Nghĩa Xứ nhưng chúng cũng chẳng ai biết. Nói “Nếu theo thứ tự...” cũng là thuận với nghi thức giáo hóa mà biện rõ định trước sau, tức dùng không thứ tự mà luận thứ tự, đối với Phật nội chiếu đâu có thể phân biệt giải bày. “Nếu nêu rõ văn...”: nghĩa là Như Lai lúc bấy giờ không trước chỉ bày thể định, cho nên khiến Di-lặc siêng năng đặt câu hỏi, chính là kinh gia đối trong Biệt tựa, vả lại che Biệt để theo Thông.

Hỏi: Như Đức Phật Đại Thông Trí Thắng sau khi thuyết pháp thì nhập định, gọi là định gì?

Đáp: Văn tuy nói chung: “Tĩnh thất nhập định”, nhưng lẽ nào sau khi nói Diệu Pháp, lại nhập định khác ư?!

Hỏi: Đức Phật nay sao không chuẩn theo Đức Đại Thông Trí Thắng, cũng “trước nói, sau định”, vậy thì đều dùng thuyết trước khi khai định, hay vì thuyết sau khi hợp định, làm Tựa?

Đáp: Đức Phật kia nhường Vương tử kết duyên, nay đức Phật chỉ La-vân thông hóa, nghĩa kết duyên đồng thông hóa đâu có ngăn ngại. Cho nên khiến Phật nay Tựa định kèm Chánh, liền thành trước định sau nói. Trí định tương thành thì trước sau tại đâu? Nếu vậy thì đức Phật kia trước định lẽ nào không bao gồm hai? Chuẩn theo có nghi niệm thì kia và đây đều như vậy.

“Di-lặc...” : “ân cần” là chỉ bốn phục nghi, “lần lửa bền bỉ” là chỉ bốn phục nạn, đều kéo dài đến bốn lần, nên gọi là “ân cần”, chữ “lần lửa” nghĩa như bền chắc. Hai quyết định đều được làm Tựa, cho nên nói “nghĩa kia chuyển rõ”. “Thân tâm...” là nêu thân tâm sở y: Trước là nêu duyên do bất động, do đắc sở duyên thật tướng khiến thân tâm bất động. Tiếp, “Nói thân...” là giải thích chỗ thân tâm sở y nói trên, cho nên biết thân tâm bất động cũng do Nghĩa Xứ, nên nguồn gốc lý tánh đều gọi là “Xứ”, đối thân tâm kia giả lập hai danh xưng. Như Lai thật chứng sắc tâm thể nhất, tức sắc tâm đây là ba đức, muốn nói kinh Bản Hữu Lý Diệu Thường thì trước hết sùng sắc tâm bất động để tiêu biểu. Lại thân cùng tâm đều tiêu biểu chỉ bày Tích, nay dùng Tích tiêu biểu Bản cho nên nói “hư không thường tịch”.

Tiếp, “dẫn Phật Đại Thông nhập Pháp Hoa định, chứng thân tâm”, cho nên thể của định đây, danh thì khác mà lý thì đồng, nếu phân sở nhập thì tướng đồng thời khác. Hai câu trên chứng thân hai câu dưới chứng tâm. “Thân nếu...”: lập lại thí dụ thân tâm xứng lý. Không phải

thường trụ Pháp thân thì không thể dùng Kim cang để thí dụ; không phải Bản hữu lý định, thì không thể dùng hư không để so sánh. “Vô lượng nghĩa...”: kết thân tâm này công qui về Nghĩa xứ. “Xưng làm...” là giải thích nghi. Nghi rằng: Định nếu dựa xứ, thì lẽ ra chỉ gọi là “Xứ”, đâu được lại còn gọi là “Vô lượng”? Định này, dưới sẽ giải thích. Nói “Vô lượng”: là Sở chiếu mà được tên. Sở chiếu là gì? Tức là sở sinh, cũng chẳng phải khác thời nên nói: “mà chiếu”. Vô lượng tức xứ tồn tại cũng đâu ngại gì! “Nếu tác...” : lại còn cả tên khác, định thể thân tâm bất động; hoặc đem các tướng đây để tiêu biểu tựa, tức dùng bất động đây... Chánh tiêu biểu sau Tựa sẽ nói nhất thật, nay chỉ bất động không phân biệt thời, như Nghĩa xứ. Câu trên giải thích thân, câu dưới giải thích tâm, vậy thì trở lại đối trước định, thân tâm động vận dụng phân biệt như vô lượng, trước khai sau hợp Tựa nghĩa rõ ràng.

Tiếp, lại hỏi đáp để giải thích nghi: Trước là hỏi, có thể biết. Tiếp là đáp ý: Nếu theo nghi thức thông thường khi thuyết pháp rồi thì chúng liền tan, đâu đủ làm khác thường? Nay nói pháp rồi thì nhập định biết về sau không uống vậy, sau nếu không uống thì tức trước thể định nên riêng biệt. Cho nên chúng nhóm tập, thuyết pháp, nhập định đều tiêu biểu sẽ nghe, cho nên khiến thời chúng nghiêm túc chờ đợi. Chữ “túc”: có âm đọc là phiên thiết của hai chữ “Tức” và “Lục”, có nghĩa là nghiêm túc, chấn chỉnh. Bộ Nhĩ Nhã nói: Túc túc là cẩn thận cung kính. Cẩn thận cung kính tâm có sở đắc.

Hỏi: Cuối kinh kia nói “Thọ trì mà đi”, nay vì sao nói “không tan, có chờ đợi”?

Đáp: Đó là lời của người kết tập lưu thông kinh, cung kính vâng thừa tôn nghiêm ý chỉ nghe ắt phải lưu thông cho nên nói “mà đi”. Nay căn cứ kinh này không có văn tập chúng. Nói pháp rồi thì nhập định, khi xuất định liền bảo, bảo chúng tập hợp lúc trước đến nay “không tan”, đâu có gì nghi! Cho nên các kinh Hoa nghiêm v.v... đều trước dùng âm thanh, hào quang để tập chúng. “Tuy nhập, khai định...” nói khai định vẫn là ý của Tựa trước, chưa tận chỉ kia cho nên nói “tuy”. Ý đã tại hợp định thể, lẽ nào trái? Thường định mà còn chưa từng nói “từ một xuất nhiều” huống chi có ai nói “từ nhiều trở về một”, tức khai biểu hợp, cho nên cùng thường có khác. Văn-thù dẫn chuyện xưa, đã nói đều có việc như thế, cho nên biết: một định hai nghĩa không nghi, nên nói “lấy gì để chứng minh nay?” “Lẽ nào có thể lấy...”: người xưa không coi thuyết pháp và nhập định là điềm lành, bày bác chung việc đó, chính là kết tập kinh đại quyền sắp xếp, cho nên chẳng phải phàm phu thấp kém lường

sánh được.

“Giải thích bốn loại hoa”: Trước nêu người xưa và kinh luận nói tên hoa bất định. Lại, Đại Bát-nhã cũng nói: “Thích ý, đại thích ý, nhu nhuyễn, đại nhu nhuyễn”. Nhưng các giáo không đồng, văn phần nhiều liệt kê bốn thứ. Hoặc Vân công sở cảm, nói như Vân mẫu, đây chính là nhất thời trưng dẫn mà thôi! Trong phần giải thích căn cứ theo sở biểu, bác bỏ ý xưa nói “hợp mà không hợp”, trong đó trước là bài xích kia hợp hời, tiếp là bài xích không hợp. Đầu bài bác hợp: nay mỗi một giáo có mười sáu chúng, đâu thể so sánh như xưa! Cho nên, trách rằng “thâu mười sáu chúng thuộc Tam tạng giáo mà còn không hết”, chỉ có bốn, huống chi chỉ nói mười sáu, làm sao giáo một thành mười sáu ư? Cho nên phải trải qua giáo phân một thành mười sáu, cũng có thể trách rằng: vì chúng phát khởi mười sáu cho đến kết duyên mười sáu, cho nên nói “huống gì bốn mươi tám”. Nên biết nói “bốn chúng Tỳ-kheo v.v...” tuy bao hàm phát khởi... mà không có lý hiển bày. Nếu nêu “bốn chúng phát khởi v.v... “nhiếp” bốn chúng Tỳ-kheo v.v...”, so sánh Thanh văn Bồ-tát và dùng tạp loại, thì trong loại mỗi mỗi đều đầy đủ chúng phát khởi v.v... Nhân xưa thuật bốn, cho nên phải nói “đối với các Tỳ-kheo v.v...” “Xét hoa...” là giải thích “không hợp”: Hoa đây mật báo hiện được nhân Diệu đang hưởng đến quả Diệu. Xưa chỉ nói bốn là tiêu biểu cho Tỳ-kheo... cho nên dẫn đến vấn nạn hiện nay. Mưa là hoa, hoa nên tiêu biểu nhân, bốn chúng đã được, đâu cần lại tiêu biểu? Đây trách người xưa không biết rằng: mưa hoa tiêu biểu diệu nhân hiện có, khác với nhân xưa. Nếu tiêu biểu bốn chúng, chỉ hy vọng quả mới thì đâu cần mưa hoa? Đây là trách người xưa không biết rằng: tán Phật (rải hoa cúng Phật) tiêu biểu diệu quả hiện tại và đương lai, khác với quả xưa. Xưa nay nhân quả thô diệu vĩnh viễn trái, lẫn lộn đồng nhất xứng nay, xưa không theo. Lại, Sinh công cũng nói: “Biểu thị bốn quả không thật”. Đây chính là dùng văn nói Tam tạng Bồ-tát bài xích Tiểu thừa, thì biết bốn quả không thật. Còn chưa hiểu Thông giáo, thì sao có khả năng, hiển Pháp Hoa?

Tiếp, “Nay nói...” : là chánh giải thích. Trước nêu xưa Thiên nhân đối nay Viên nhân. Xưa Viên nhân không riêng biệt cho nên chỉ bài xích tam giáo... “Trong Tam tạng chỉ nói Nhị thừa” là không thể tiếp nối, nên như Huyền Văn nói: “Xưa ba nhân đại mà có khác...”. “Phật nhân”: Chỉ là viên nhân. “Tứ luân nhân”: tức Sơ trụ trở lên. “Đồng, Ngân, Kim, Lưu”: Chỉ quán quyển một nói dẫn đầy đủ trong kinh Anh Lạc. Huyền Văn lại dùng bốn câu phê phán vị. Khai trước hợp sau,

như Tam thập tam thiên... Khai sau hợp trước, như Thập tứ Bát-nhã. Đều khai, như Bốn mươi hai chữ. Đều hợp, như trời mưa bốn loại hoa. Tiếp “Văn dưới...”: dẫn các văn của kinh này, đều là nghĩa Vị. Ý trong “phần vấn đáp”, là mượn Biệt để hiển Viên. Nói “mượn Biệt”: là Viên chẳng phải không có vị, nhờ nơi thứ lớp cao thấp để hiển bày cái không thứ lớp, bình đẳng. Đây là mượn nghĩa để thỉnh hậu học lưu tâm, lấy đây làm tông chỉ. Học giả có khi cũng không phân biệt được rằng trong kinh Anh Lạc, thì “Tứ luân” là nghĩa mượn biệt. Nếu luận Viên vị Lục tức, thì cũng đủ, cần gì phải liệt kê bốn mươi hai? Do phân chân vị thì lớn, nên mượn Biệt vị để phân ra phẩm bậc, ví như hư không thì đồng một thể mà bay thì có cao thấp... Cho nên, Chỉ Quán cuối quyển sáu nói: “Có khi mượn cao để thành tựu thấp...”. Huyền Văn còn dùng danh Thông nghĩa Viên, hướng chi danh Biệt nghĩa Viên ư!

Tiếp hỏi: Đã nhờ Biệt vị, Biệt có Hiền Thánh, Viên cũng có hay không? Đáp: Chỉ Huyền nghĩa tức đầy đủ trong Huyền Văn quyển chín nói. Đều là Hiền Thánh, chỉ cao thấp không đồng. Lại trong Tứ niệm xứ cũng có bốn câu phân biệt. Nếu định phê phán thì trước Trụ thuộc về Hiền. Nếu bốn câu phê phán thì chỉ là nghĩa lập, lại xen lẫn được tên. Trụ là Hiền vị, lại cách Thánh xa, cho nên gọi Hiền Thánh. Biệt địa gọi là Thánh, người Hạnh Hưởng Viên cách địa đây gần cho nên gọi là Thánh Hiền. Đối với văn nay nói Viên thì Hạnh Hưởng là Thánh, lại nhập Địa nữa, cho nên nói Thánh Thánh. Nếu không đối nhau thì tên đương giáo quyết định. Nếu nói trở đi, lại trải qua các giáo để đã phá luận xưa, thì tuy nói một nhân nên biết thể của nhân. Bốn giáo Bồ-tát, đều đối đức Phật kia, đều là một nhân và một nhân khác. Cho nên, Huyền Văn quyển mười nói: “Từ một khai một, từ một trở về một”. Đã không biện rõ khác thì Thông giáo có gì nghi! Cho nên Thông giáo nói: tam nhân đại đồng, vì đồng cho nên nhất, nên nói không ra ngoài Thông giáo. Nếu nói bốn chúng đồng là nhân Bồ-tát, thì từ sơ phát tâm không cùng với Tiểu. Ý Pháp Hoa như trước, đầy đủ như Tứ luân cho đến khai hiển.

Trong phần “Giải thích khắp cõi Phật đất chấn động sáu cách”: Đầu tiên bác bỏ ý xưa. Dùng sáu tiêu biểu cho sáu nghĩa ấy thì có thể đúng. Nói thẳng Tam thừa chỉ phá Tam tạng, thì nghĩa Nhân Quả Tam thừa chưa chu toàn hết. Cho nên dùng Tam thừa theo hai giáo Tạng, Thông và ngang dọc của Biệt để so sánh mới hiển bày Viên trải qua sáu phen phá. Thiệp Pháp sư nói: “Địa thần khiến động”, kiến giải này rất cạn. Căn cứ trong Biệt phá nói theo hai chiều ngang dọc. Lại như

Chỉ Quán quyển ba dẫn. “Nay giải thích...” là chánh giải thích. Đầu văn giống như Căn cứ giáo, Kinh Thanh Tịnh Hạnh giống như Nhân Duyên. Trong đầu văn giải thích, nói “bàn bạc”: tức dáng mạo cứng chắc rộng lớn, tức người Thất phương tiện chưa phá đại vô minh. Đến hội này mới phá vô minh, vô minh khó động cũng như đá lớn. Lại, trước chẳng phải không phá bởi vì khó phá, đến nay đều phá, cho nên nói “bàn bạc”. Nếu căn cứ Trường A-hàm thì nhiều duyên đất động cũng có thể làm tiêu biểu. Kinh nói: Có sáu duyên đất động là: Nhập thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn. Tiểu giáo tuy tức không nói sở biểu mà đã là sáu tướng sau trong tám tướng, tức công dụng của địa vị sơ trụ Sơ địa. Cho nên địa vị đây đứng đầu sáu phen. Tứ luân chỉ có nhân nên từ nhân lập danh, lục động bao gồm quả nên từ quả lập danh. Lại, quả tốt cùng phân biệt quả đều được gọi quả, nên gọi là quả. Phá xưa đối nay thì đầy đủ bốn giáo. Lại, Diệu giác: Tuy chưa tức nhập, đến tại không lâu, từ đầu đến cuối gồm nêu cho nên nói từ quả.

Cuối phần “Giải thích theo Bản tích” nói “vân vân”: là lẽ ra dẫn bản văn, lúc xưa ta vốn hành Bồ-tát đạo, tức bản Tứ luân, ta thành Phật đến nay, xưa sáu phen (chấn động) bốn sơ thật thành, cũng dùng tướng lành đây tiêu biểu sáu phen, cho nên hiển bày trong giáo. Văn-thù dẫn việc xưa của Đức Phật khác đồng với việc nay của Đức Phật ta trong phần Tựa, mật ý Chánh nêu Phật xưa ắt có như nay. Phật nay lẽ nào không có như xưa, xưa đã thành lâu rồi cho nên không phải là lần thứ nhất. Trong “Giải thích theo Quán hạnh”, câu đầu tổng nêu. Tiếp trong phần chánh giải thích, thì đầu tiên căn cứ động làm tiêu biểu, tiếp là căn cứ sáu làm tiêu biểu. Trong văn đầu tiên, nói tuy gồm sáu nhưng chủ yếu nói về “động”, đều tiêu biểu đương phá vô minh, gọi là “động địa khó động” tức năng biểu. “Tịnh căn chưa tịnh” tức sở biểu.

Tiếp “Phương Đỉnh phương Tây chìm” trở xuống, là giải thích “Lục động” theo sáu phương. Đều căn cứ số sáu tiêu biểu. Tiêu biểu tịnh sáu căn, là căn cứ quán giải thích, cho nên đặc thông các vị căn cứ quán hạnh tương tự phần chân v.v..., đều tịnh sáu căn. Trong đây, đầu tiên giải thích “Lục động” theo sự. “Phía Đỉnh phương Tây chìm...” đầy đủ như kinh Trung Ấm v.v... Nay xét theo Quán tâm thì nghĩa lại phù hợp. Nói tiêu biểu căn: Nhãn, tĩ đã tiêu biểu hai phương Đông Tây, nhĩ, thiệt lý đối hai phương Nam Bắc, trung ương là tâm, tứ phương là thân: Thân đủ bốn căn nhãn nhĩ tĩ thiệt, tâm cũng duyên khắp bốn căn, cho nên dùng tâm đối thân mà làm đỉnh chìm (dùng một), nghĩa là ở giữa (trung) đối với một bên đỉnh lên và một bên chìm

xuống. “Dềnh lên, ở giữa, chìm xuống”, có thể tiêu biểu sáu đến mười hai nhập. Lại “Lục động”: Nghĩa bao gồm mười tám, trong sáu kia thì ba loại trước là hình, ba loại sau là tiếng, hình thật tiếng hư. Sáu căn cũng tựa ba hình ba tiếng. Giải thích “Lục động” này theo sự, thì tân cựu giải thích không đồng. Tân nói: Động, dưng, chấn, kích, hống, bạo. Nay lại dùng theo Cựu, dao động không an gọi là “động”, tự dưới bay lên cao gọi là “khởi”, dập dềnh lồi lõm gọi là “dưng”, sáu phương ấn chìm nổi cũng gọi là “dưng”, ngấm ngấm có tiếng gọi là “chấn”, va chạm phát ra âm hưởng gọi là “hống”, khiến chúng sinh giác ngộ gọi là “giác”. Tân dịch: “kích” như đánh đổ, “bạo” như tiếng lửa, Kinh luận lược nêu phần nhiều nói “chấn động”, tức hình tiếng ba thứ đều nêu một. Đại Kinh nói: “Sau khi Thuần-đà rời khỏi, thời gian chưa bao lâu thì đất kia bỗng nhiên có sáu thứ chấn động”. Lại, “mỗi loại chấn động đều có ba bậc” là để tiêu biểu một căn đều có ba thứ căn, thức, cảnh. Đầu văn tiêu biểu sáu cái ở giữa (trung), tiêu biểu tuy xen lẫn mà phá ất đồng thời. “Tịnh mười tám giới”: là tiếp, biện rõ sở biểu đều phá vô minh. Cho nên, biết: chỉ là thấy ấm, giới, nhập đều thường trú. Trong câu “Tịnh mười tám giới vân vân” thì “vân vân” là lẽ ra thuật đầy đủ sở biểu để thành quán tâm, chỉ lược còn số và thiếu khuyết tâm cảnh biện rõ tướng trạng vi diệu theo thứ lớp và không thứ lớp... Cũng có thể mỗi căn đều tu tam quán như “mười tám loại động”. Trong đây chỉ căn cứ tướng năng động, sở động chỉ là một địa mà thôi! Như căn tuy sáu, mà dùng tâm phá thì hết thấy đều phá.

Trong phần “Giải thích Đại chúng tâm vui mừng”: Trước là giải thích theo Nhân duyên: Giáo xưa ở đâu từng không thấy các tướng mưa hoa v.v..., nay vui mừng hơn hẳn khác thường, lý ứng như “cam lồ sắp giáng xuống”. Lúc ấy chúng tuy không lượng được, ất biết cơ duyên thành không còn lâu nữa, cơ cảm tương ứng sao nghi không giải thích. Hỏi: Như văn. Đáp: Trong lời đáp thông suốt khác thường. Dẫn Đại kinh để chứng minh như văn. Tiếp, “Nếu nói...”: là căn cứ giáo, tuy nêu đủ bốn giáo đối xưa bốn hỷ không đồng, nay thuần nhất thật hỷ không còn sai biệt. Bốn “nghĩa Nhân thiên v.v...” đều nói “động” là vì Quyền làm Thật động.

Hỏi: Thật lý không động, nay sao nói động? Đáp: Động tức là phát. Viên cơ đương thành, gọi là “động thật tướng”, dùng bốn động còn lại sẽ hướng đến thật.

Văn không có giải thích theo Bản tích, Quán tâm. Nếu giải thích theo Bản tích thì: Bản, trú bất động Tam-muội; Tích, do đất động tiêu

biểu phát. Nếu theo Quán tâm giải thích nghĩa “động”: thì như trong Hai mươi lăm loại Tam-muội phá tứ thiên vương Không Giả Trung động. Trong phần “Giải thích hào quang”: Đầu văn tổng nêu phóng quang. Trong giải thích, đầu tiên là giải thích “bạch hào”, tiếp là giải thích “phóng quang”. Đầu văn chỉ có hai giải thích. Đầu song nêu hai giải thích, ứng cơ nêu Nhân duyên, thiết lập giáo nêu căn cứ Giáo. “Phá hoặc...”: nêu sự ý, hiện hào quang vốn bày tỏ hai thứ đây, đây đủ hai thứ mới trừ nghi hoặc. Trong “Bạch hào”, đầu là theo Nhân duyên; “Lại nữa...” là căn cứ giáo. Đầu văn nêu tứ Tất-đàn: Đầu là Thế giới, “Hào quang kia...” là Vị nhân, “Phóng quang...” là Đối trị, “Hào quang chiếu...” là Đệ nhất nghĩa, bốn thứ đều tại kinh này. Tiếp căn cứ trong giáo bài xích đầy đủ tam giáo, “Nhị thừa” tức đương hai giáo trước, tuy có Bồ-tát mà đồng kiến nhị đế. “Lại nữa...” là nêu “phóng quang”, có đủ bốn cách giải thích. Trong phần giải thích theo Nhân duyên chia làm ba: Một là phóng quang, hai là thân, ba là ý thân phóng. Phần một ứng đủ tứ Tất-đàn, văn tướng không hiển, chỉ có thể thông khiến thấy được bốn lợi ích. Kinh Đại Phẩm nói: Mỗi một tướng đều phóng quang: Dùng thân luân tiêu biểu Bát-nhã khắp. Đại kinh nói: “Phật phóng quang từ diện môn”, Diện môn là khẩu, tiêu biểu Phật khẩu mật thuyết bí tạng. Kinh này xác định “phóng quang từ giữa chặn mày” là tiêu biểu ý tùy cơ duyên đều hiện, đều đầy đủ lợi ích tam mật tứ Tất-đàn. Tuy cả một đời đến nay, Phật dùng “tam luân” để giáo hóa, đương nhiên là có lợi ích thích đáng, nhưng không gì bằng ngôn giáo. Đến khi sắp diệt độ thì Phật phóng quang từ diện môn là tiêu biểu ngôn giáo đây lưu truyền đến đời sau. Đây lại là thông luận phóng quang. Nếu biệt luận thì căn cứ các văn nói, không chiếu vô sắc nghĩa đồng tập chúng.

Tiếp, “Thân quang”: Đầu dẫn “kinh A-dục Vương”, phần nhiều là giải thích theo Nhân duyên, trong đây chỉ có một câu nói về “việc hiện tại” là nêu theo ý riêng. Từ “Nhập vào chân” trở đi, đều là kinh văn, đều biểu ký đương giới kia. Do đó các kinh khác thì thọ ký làm Phật đều kiêm các cõi, chỉ có Pháp Hoa này chuyên biểu Phật ký. Nói “đương giới” là nêu các cõi đều có tử đây, sinh kia và quả vị đại tiểu. Dùng hình ảnh thu quang vào các thân phần bên dưới để biểu thị việc của các hạng chúng sinh thấp kém, là thuộc kinh Phương Đẳng, cho nên đối nhiều duyên. “Mà kinh này...”: Phật từ định dậy ắt thân quang, thân ắt vào nhục kế. “Lược thôi”: Cho đến khi đức Phật từ định dậy ắt phải thân quang, vì sở biểu sự đủ để thu liễm tâm của chúng trong pháp hội khiến nhập nhất thật, cho nên phải có “thân quang”, chỉ là văn lược.

“Lại, giải thích...”: là lại giải thích ý thâm quang phóng quang, có thể thấy. Cũng là một đường, chẳng cùng tận. Dùng hiện tại chánh khiến hội tam quy nhất làm chánh, vị lai sẽ đắc làm phụ.

“Nếu một trường sáu...” căn cứ trong giáo: Trước, là chánh giải thích; tiếp, là nêu hào quang tiêu biểu. Trong phần Quang biểu thì trước là phá cựu, cựu nêu tuy ngang chiếu một vạn tám ngàn cõi đến Nytra thiên (trời Hữu đảnh) đều là điềm lành ở cõi này. Nay ý không như vậy. Phóng quang một điềm lành nghĩa thông hai cõi. Nói “do người”: Không thể hoàn toàn phá. Tiếp, “Xưa...” là xưa giải thích chỉ căn cứ một phương nêu mãi không mãi (đủ không đủ). “Nếu chiếu...” là phá, đã thuận hứa thật chiếu mười phương thì đâu được riêng dùng phương Đông làm tiêu biểu. Có người nói: “Mi (lông mày)” là chỗ phóng quang. “Mi” là mị (đẹp). Nếu người không có mi thì không đẹp. Cái gọi là “phóng”: 1. Không hạn chế chỉ chiếu đại thiên. 2. Tác ý phát động thì chiếu một vạn tám ngàn, cũng nói tiêu biểu nhất thừa. Đây là vì không biết rằng chư Phật không mưu tính mà làm, cho nên dùng do tác ý phóng quang mà giải thích công dụng của chư Phật.

“Nay nêu rõ...” là phần Chánh giải.

Tiếp, “Nếu căn cứ...” là giải thích theo Bản tích, nêu “bốn vị tăng trưởng” là bốn phương biểu thị bốn sự tu tập tăng trưởng. Nói “tăng trưởng”: Từ Tín nhập Trụ, cho đến Đẳng giác. Cho nên văn dưới nói: còn lại một đời. Tiếp, trong phần “Giải thích theo Quán tâm” nói “Các cảnh giới như thế” tức mười tám giới đều có trăm giới ngàn như. Uẩn tại mười tám, thì Phật tuệ chưa khai mở, cho nên dùng hào quang chiếu là tiêu biểu “khai”, khai tức Biệt tại Sơ trụ. “Văn nói...” dẫn cơ duyên chúng sinh trong mười cõi đều khai mười tám giới. Nói “phân văn thuộc cõi này...”: Đầu từ “Nhĩ thời” cuối đến “châu biến”, đều thuộc điềm lành thứ sáu ở cõi này, các cõi khác thì tương lành thứ nhất chỉ từ dưới lên đến Ni-tra thiên. Văn nay dùng phóng quang này là văn thông gồm kia đây, cho nên văn kia thế mạnh cũng bao hàm dài ngắn. Nếu chấp (đoản) ngắn thì như trước liệt bày, nếu chấp dài thì phải đến cõi Ni-tra, lại đem điềm lành thứ sáu đây mà làm tổng chung các cõi khác. Nếu là tổng các cõi khác cũng có ngắn dài, chuẩn đối nhau nên biết.

“Tiếp, nêu...” : chánh nêu sáu điềm lành ở các cõi khác, chia làm hai: Trước lược, sau rộng. Trong phần lược chia làm bốn: 1. Nêu.

2. “Một là thấy...”: là liệt chương, tức đương chánh giải thích. 3. “Đã có...”: là sinh khởi sáu điềm lành. 4. “Nếu đây...”: là đối đây để nêu sở biểu của điềm lành. Tiếp, trong phần liệt chương thì chỉ nói thượng hạ

mà không nói cảm ứng, bởi vì nghĩa cảm ứng thông ba cặp. Không đồng cõi này hai cặp trước đều tại sở ứng, cho nên cặp thứ ba được gọi là cảm ứng. Lại, cõi kia điềm lành đến trong cặp thứ ba sinh khởi. Nói “hành ban đầu ắt đến cuối” là chỉ xen lẫn nêu mà thôi, nêu Bồ-tát có thủy mà ắt có chung, Như Lai đã chung mà có thủy. Lại, trong cặp Nhân pháp tuy nhân chưa thông Lộc uyển, pháp chỉ đầu của nhũ vị, nhưng pháp ắt có nhân, nhân ắt đối pháp, cho nên lại đối biện. Lại, trong “cặp thượng hạ”, tuy bậc thượng nói pháp để gia-bị cho bậc hạ, mà chúng sinh được gia-bị chưa hiển, tức là tuy chưa hiển mà thủy mặt vẫn như thế, cho nên được đối đó để luận thượng hạ. Hướng chỉ phạm các thủ đối đều là nhất vãng. Vì vậy càng phải cầu thủy chung kia. Trong “cặp đầu” có “lục thú” là rộng giải thích chương môn chẳng phải ý trong đây, cho đến ly hợp lấy làm tứ sinh, ngũ đạo, thất thức trụ... như luận rộng giải thích... Nói “tổng báo”: Điềm lành tuy có sáu nhưng lấy hào quang làm gốc (bản), hào quang tiêu biểu trí giác, hào quang chiếu kia đây. Trước, tiêu biểu hai giác, tiếp, tiêu biểu ba đồng. Trong ba đồng có hai : trước tổng, sau biệt. Trước tổng nêu đạo đồng, tướng đồng tại sao không ngoài ba loại đồng? Vì đây đồng nhưng ẩn chỉ thành hai thôi! Nếu trong sở kiến cũng thấy thọ ký cho Thanh văn. Nói thọ mạng lâu dài thì nếu Như Lai đều không sở tác, thì nghi thức giáo hóa không thành. Tuy nhiên dù thấy thọ ký tiểu trường thọ thì chúng đây cũng nghi, không biết cõi này Thanh văn được hợp thọ ký không? Đã giáo Dũng Xuất, còn Thọ lượng nghĩa như thế nào lại chưa biết, cho nên đều ẩn để sinh nghi vấn. Văn-thù rộng đáp thuật đủ ba loại đồng, chúng cơ lược biết tướng sau định, cho nên biết Thông tựa văn thông mà giải thích khế hợp với Biệt lý. Do bốn cách giải thích nên Biệt tựa văn biệt mà nghĩa diệu. Do ngũ thời mà việc đáp vừa xong thì định khởi nơi đây, do sự phù hợp nơi đáp, nên biết rằng Văn-thù thấy cùng cực. Từ “tận kiến...” là biệt, tức tam đồng. Tiếp, trong phần Rộng nói, văn đầu trước xuất cõi khác, tiếp “Nên biết...” dẫn kia theo lệ, đây là kết đầu cuối đồng. Tướng xây tháp tuy tiêu biểu hai kinh, tướng Pháp Hoa còn chưa nêu rõ, vì vậy nên chỉ thành đầy đủ đối với đã và đương hai đồng, cõi này ba đồng sẽ vẫn chưa khởi. Nói “hai cõi xuất thế ý đồng”: là đồng ngữ trước cho nên thí... không sai khác. “Khai quyền” tức là tướng Pháp Hoa, “dứt hóa” tức là trưng cầu Niết-bàn. “Chẳng phải đốn...” Pháp Hoa nhất thừa chẳng phải đốn tiệm nhiếp, nơi một khai xuất mới sinh đốn tiệm, vì vậy nên nay nói “phi đốn mà đốn, phi tiệm mà tiệm”, căn cứ đây có thể biết. “Xây tháp bảy báu”: hai kinh vị đồng, ẩn là chưa nói. Kinh Thập Nhị

Nhân Duyên nói: Tám người nên được xây tháp là: Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, Tứ quả, Luân vương. Tháp Phật thì tám lộ-bàn, tháp của bảy người còn lại thứ lớp giảm một. Cõi đây đã vậy, các cõi khác căn cứ đây thì biết, cho nên đây phải đều là tháp Phật. “Phải biết...” dẫn kia lệ đây, tổng kết văn trước. Nói “từ một xuất vô lượng”: là bắt đầu từ Hoa Nghiêm đến Bát-nhã đến nay đều từ một pháp khai xuất. Đến thời Bát-nhã thì “đốn tiệm đã xong”, mà người không biết Pháp Hoa xuất vượt ngoài đốn tiệm. Thỉnh xem chữ “xong”. Pháp Hoa chỉ là thân vô lượng để quy một.

Trong phần Giải thích “Chủng chủng nhân duyên”: Trong văn, tự có hai giải thích theo Thông và Biệt. Đầu nói thông, thông nơi tiệm đốn khắp bốn thời, trong bốn thời đều có cảm ứng, đối nay thì không có gì chẳng phải là nhân duyên của giáo nay, cho nên biết nhân duyên có nhiều thứ, tự hành hóa tha tự tha tương đối. Văn từ tự hành cho nên nói “thiện xưa giáo nay”. Tiếp, “Biệt thuyết...” là chánh nêu nhân duyên hiện tại, cũng có thể đây ba phen triển chuyển tương sinh, do nhân duyên phát tâm nên tin hiểu, do tin hiểu nên hành hạnh. Nếu Biệt thuyết, thì biệt chỉ tam giáo trong Bát-nhã là “chủng chủng”, cho nên nói sau Tam tạng, vì Bát-nhã bộ là Bồ-tát hạnh. “Lại căn cứ...” : vì tam giáo trong Bát-nhã mỗi một giáo đều có bốn môn và bốn Tất-đàn..., cho nên nói “lại có vô lượng tướng mạo”.

Nói “Năm trăm” : là nêu trong “cộng” môn “chủng chủng” (các thứ) rất nhiều. Năm trăm tuy là Tam tạng hữu môn, căn cứ sở chứng đồng, mà lại chứng nơi cộng, đến Bát-nhã đều thành Thông nhân, âm thầm được lợi ích Biệt. Nay lại từ hiển nên được dẫn đồng, vẫn cựu mới thành “chủng chủng” (các thứ). “Bất cộng” thì dễ biết, chỉ theo lệ mà thôi! “Cộng, bất cộng” danh được rút ra từ Đại luận. Đã nói sau Tam tạng, lý nên thông chỉ Phương-đẳng Bát-nhã. Chỉ nói Bát-nhã: Do Phương-đẳng ba đồng Bát-nhã ba, Tiểu đồng Lộc uyển cho nên không biệt chỉ. Người khác đối với điều này chia làm ba môn: Nhân duyên môn, tín giải môn, tướng mạo môn. Nay ngôn từ tuy như vậy mà nghĩa lý không như vậy. Nhân duyên nghĩa là cảm ứng sai biệt, Tín giải nghĩa là năng cảm bất đồng, “Tướng mạo” nghĩa là sau tín là hạnh sai khác. Các thứ bất đồng này đều gọi là “chủng chủng”. Tuy lại khác đường mà không vượt qua hai vị, cảm ứng thì xen lẫn có thừa, có dày nên gọi là nhân duyên “, năng cảm thì trong lòng lãnh thọ nên gọi là “Tín giải”, tu hạnh thì thân khẩu ngoài hiện rõ nên nói “tướng mạo”, ngoại tướng nghi mạo, nên nói “tướng mạo”.

Hỏi: Hạnh nhất giải khác tại sao hạnh biệt?

Đáp: Thấy ngoài biết bên trong, nên nói là bất đồng.

Nói “Kia nêu rõ tướng như thế”: Kia là cõi kia, hiện tướng ở cõi kia cho nên nói tướng như thế.

Tuy lại chủng chủng đồng đến Pháp Hoa, không còn các tướng nào khác. Chỉ vì chưa thấy ngôi tòa Pháp Hoa để nhập diệt tiêu biểu điều đó, cho nên chỉ nói “một nhân một duyên...” Nói “Một nhân...” cũng là cõi kia, Pháp Hoa trở về trước được gọi là “chủng chủng”. Đã hội nhập thật đồng một nhân duyên tướng mạo..., đây là tướng cảm ứng v.v...

Hỏi: Trong hào quang, sở chiếu đồng thời ngang thấy, sao được nói trước đốn sau tiệm, cho đến hội quy? Lại, trong đó thấy không hoàn toàn đốn chỉ có tiệm... ư?

Đáp: Thật như đã hỏi, thời chúng chỉ biết nhân hào quang mà được thấy. Đại thuật tại Thế Tôn, cái trông thấy chẳng phải là cảnh giới kia, nhưng khiến thấy, ý vốn làm chứng đồng. Sở phóng quang làm thành nhất thật. Sự sai khác, lý tuyệt dứt, thì chẳng phải là chỗ hào quang thấm nhuần, xa gần đã đều khiến chúng thấy nghe. Quá khứ vị lai cũng đâu có ngăn cách nơi thấy nghe, cho nên khiến cho mười phương từ đầu đến cuối sáng tỏ như trước mắt, đâu dùng phàm tình mà lường Thánh cảnh, đâu riêng gì hóa chủ Phật lực khiến thấy, đồng nghe trong chúng và để tập kinh, thời có cổ Phật ẩn tích trong đó. Trí sáng soi đương thời, thuật bày ngang dọc đây, thêm khiến cái trông thấy là phàm thánh đồng đẳng, cho nên biết chỉ y văn thứ lớp, ý kinh rõ ràng.

Tiếp “Lúc bấy giờ...” là giải thích nghi niệm trong phần Tựa. Đầu tiên, nói “chỉ thành một nghi”: Vốn nghi về sáu điều lành, tự sức mình không gánh vác nổi mới tư duy đáp, lại tư duy có tôn kính nhờ cậy Văn-thù, Văn-thù khởi tâm suy nghĩ có địa quyết nghi, cho nên niệm thứ hai ở đây tự mất, đã được có người đâu thì cần suy nghĩ lại, cho nên niệm thứ ba lúc ấy tự dứt, cho đến khi nghi vấn đầu tiên vẫn còn, cho nên nói “một nghi”.

Hỏi: Kinh gọi Văn-thù là Pháp vương tử, vậy thì các Bồ-tát đây vị nào không phải là Pháp vương tử ?

Đáp: Có hai nghĩa: 1. Trong các vương tử, suy về đức thì chỉ có Văn-thù. 2. Trong các kinh thì Văn-thù đều là vị đứng đầu trong chúng Bồ-tát.

Tiếp, trong phần giải thích “Sơ niệm”, đầu tiên là giải thích theo Nhân duyên. Nói “thần biến nội ngoại”: đây nêu biểu khác, nên đây

biệt giải thích. Nếu thông giải thích, thì như kinh Đại Bảo Tích nói: “hết thầy các pháp đều gọi là thần biến”, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một dẫn rõ. “Thần gọi là...” giải thích danh kiêm biện tương. “Thủ Lăng...” là nêu pháp sở y. “Pháp vương...” là công dụng, cũng là vấn nguyên do. Tiếp, “Đến như...”: tức là căn cứ giáo cũng là lại giải thích công dụng và để vấn nguyên do. Lại, ở đây hỏi nguyên do, tuy do không thể lường thần biến, mà chánh do tự quyết vì để lợi tha cơ phát cho nên ứng phó, nhân duyên hòa hợp mà thiết lập sự hỏi này, khiến biết Di-lặc không hiểu nguyên nhân, cho nên cần phải các vị lần lượt so sánh quyết định. Tán giả, là khổ hạnh ngoại đạo và các phàm phu. Định giả là đắc thiền ngoại đạo và tín giả tập định. Thánh giả, là trong Tam tạng trừ Thân-tử ngoài các Thanh văn. “Đây là căn cứ cực xứ cũng không biết”: Phàm, nói “đến như” là chứng minh ý kia thông, cho nên bên dưới thì mỗi mỗi không biết bên trên. Nếu là cực vị, thì tất cả vị dưới đều không biết. Cho nên Bồ-tát Bồ xứ cho đến vị Tôn cực, ba vị đây, nếu còn giáo đạo ứng thông bốn giáo lần lượt xen lẫn so sánh, thì trong văn lại đúng. Nay tối cùng ở nơi địa vị cực, cho nên Bồ xứ cực không biết Tôn cực. “Lại, Di-lặc...” nghĩa đương nơi Bản tích, ẩn Bản trí sáng suốt, Tích thì đồng tối tăm chậm chạp.

Nếu giải thích theo Quán tâm, thì: Trí chiếu linh thông, lục tức tùy biến. Đầu văn nhân duyên nghĩa đối bốn Tất-đàn, nghĩa kia rõ ràng, trong ngoài sai khác cho nên thấy nghe hoan hỷ. Sáu điều lành bên ngoài ảnh hiện rõ chúng sinh thấy thì sinh thiện. Y lý biến thông điều hòa khắp tất cả, pháp vương lý cùng cực cho nên không quá trên.

“Nếu đem kệ dưới”: hiển bày nghi niệm của đại chúng đồng Di-lặc có ba: Các đại chúng cùng thấy sáu điều lành, từ lúc nhập vị đến nay khắp trải qua nhiều hội, nên từ lâu đã biết Văn-thù thần dụng chẳng ai sánh kịp, cho nên đến khi Di-lặc hưng khởi niệm thì chúng cũng tinh thành, chuyên chú ở Diệu-đức (tức Văn-thù), khiến Di-lặc phát vấn. Trước quán Đại chúng mới tuyên bày điều nghi bên bỉ, xét biết Văn-thù là địa quyết nghi. “Cựu giải” có thể biết. Căn cứ theo ý vấn đáp nay dẫn kệ đã nói: ba niệm không chuyên Di-lặc chỉ ở nơi một việc, mặc cho phát vấn ở trước. Nói vấn đáp: Văn-thù rất có khả năng đầu riêng Di-lặc. Lẽ ra nói căn cơ chúng sinh ở nơi người hỏi và đáp, cho nên dùng bốn cách giải thích mà hiểu văn kia, tức nhân duyên... Vấn đáp đầu tiên là nhân duyên, như Văn-thù xét có khả năng vấn tật bệnh nơi Vô Cấu Thí (Duy-ma-la-đạt), vẫn bị chê trách cho nên nói: “tại vô” (ở không có). “Lại, pháp môn...” là căn cứ giáo, bốn giáo không ra ngoài

quyền thật. “Lại Tích...” là Bản tích. “Lại danh...” là Quán tâm. Trong văn đầu giải thích theo Nhân duyên, văn kia tuy hẹp mà nếu nghĩa lập cũng đầy đủ tứ Tất-đàn, văn đáp tùy thuận an vui tức là Thế giới, phó chúng hân hoan là Vị nhân, bao hàm giải thích chúng nghi là Đối trị, lập hạnh bình đẳng là Đệ nhất nghĩa.

Tiếp “Phát vấn Tựa”: Trong phần đầu trước phân biệt chọn kệ văn có không. Trước “Ý gì ...” là hỏi, tiếp “Long Thọ...” là đáp. Luận văn có mười nghĩa, nay chỉ lược nêu sáu: Năm nghĩa trước tức năm văn đầu. 6. Khiến người đời sau đối với kinh sinh lòng tin. 7. Dễ đoạt ngôn từ chuyển thế thuyết pháp. 8. Chỉ bày nghĩa vô tận. 9. Nêu rõ đến người có, mà không có cách nói. 10. Như văn nay. Văn thứ sáu ấy là tổng luận tức giải thích theo Nhân duyên. Hai văn đầu là Thế giới. Văn thứ ba, năm là Vị nhân. Văn thứ tư là Đệ nhất nghĩa. “Lại vì...” thứ sáu là Đối trị, năng trừ nghi cho đời sau, còn thiếu bốn văn, thứ sáu đồng Vị nhân, thứ bảy đồng Đối trị, thứ tám, chín đồng Đệ nhất nghĩa, cho nên lược không luận. Trong Chánh giải thích, thì trước là thuật xưa, tiếp “Quán văn...” là lại tổng tâm không đúng, “Thuyết pháp...” là giải thích xuất hiển bày đúng. Trong đó, trước nêu không thiếu, tiếp nêu không thừa. Văn đầu căn cứ nghĩa ở trong hai câu đầu cho nên nói “không thiếu”, trong đó trước là lập, chỉ nêu “phóng quang, động đất” là ngọn, thì biết “thuyết pháp, nhập định” là gốc. Nếu không có định tuệ, thì đâu thể hiện biến ?

Tiếp, “Người khác không thấy...” là trách, “Nay trở lại...” là dẫn đáp để hỏi. “Lại hỏi...” là hạch xuất nơi hỏi (vấn), “Nay chỉ...” là đáp. Trước trường hàng chỉ tổng hỏi phóng quang. Nếu chấp chỉ có phóng quang là hỏi, ngoài ra không hỏi, thì ứng với không phải điềm lành, thì mưa hoa động đất còn không thành điềm lành, đâu riêng gì thuyết pháp và nhập định ư? Phóng quang đã là điềm lành cuối cùng ở cõi này, vẫn ở các cõi khác là đầu sáu điềm lành, cho nên tổng nêu một hào quang mà thông thấu sáu điềm lành ở hai cõi. Hướng chi “Nếu lại...” là biệt vấn hai chữ “đạo sư” nghĩa tự bao gồm điều đó.

Tiếp nêu “Không thừa”: “Gió, đất” hai điềm lành đều có sở y. Sở y đúng, điềm lành năng y lẽ nào không đúng? Cho nên, nay nêu “không thừa”, trong đó cũng trước thuật ý không phải. Tiếp trong phần phá, một câu đầu lược bài xích. Tiếp “Gió vốn...” là phá, chia làm hai: Trước, nêu gió có hương còn gọi là điềm lành, hướng chi “gió, đất” vốn để hiển bày hoa, tuy mỗi thứ có tên điềm lành mà chung thành đức hoa. Trong Chánh Pháp Hoa chỉ nói thẳng “hương”, không nói “gió”, cho

nên biết gió nếu không có hương thì không thành điềm lành. “Luận về hoa trời...” là nêu rõ hương vốn thuộc hoa, hoa hương như mùi gỗ chiên đàn, cho nên nói “gió chiên đàn”. Nếu gió hương không phải điềm lành thì hoa cũng không phải điềm lành. “Đất tịnh” căn cứ đây thì biết. Trong đó chia làm bốn: 1. Tổng nêu có hương... 2. “Đây tiêu biểu...” là giải thích nguyên do xuất, nói “nhân vận chuyển đến quả” là nêu rõ hoa hương vào gió như gió đạo hương đức xông khắp cả. 3. “Kim Quang Minh...” là dẫn chứng. 4. “Cho nên dùng...” là kết thành. Dùng “hai sự” trên quả để hiển công của nhân. Do hoa có hương thơm chẳng phải riêng mình gió. Do gió thơm nên đất kia phải tịnh. Nói “hai sự”: là công đức pháp thân, công đức là nhân, pháp thân là quả. Do đạt đến quả nên thành tựu hai nghĩa: 1. Đến quả. 2. Quả tịnh. Do nhân đến quả nên khiến quả tịnh. Tiếp, hai câu là điềm lành đất động. Tiếp một hàng chúng hoan hỷ, tuy không dựa vào thứ lớp trước mà sáu điềm lành đầy đủ. Tiếp “Ba hàng đầu...” nói nghiệm chứng các điềm này. Trong phần trường hàng bên trên thì điềm lành hào quang chính là điềm lành thứ sáu ở cõi này. Theo đây tức nêu sáu điềm lành ở các cõi khác, không ánh sáng nào chiếu tới mà không thấy, cho nên cần phán định làm tổng điềm lành của cõi khác, sợ người không hiểu đến điểm xuất này, cho nên nói “nghiệm đây”. Vì thế, trong kệ nói hào quang điềm lành ở cõi này là: “Đại quang phổ chiếu” (hào quang lớn chiếu khắp).

Trước đã nói xong, đến đứng đầu điềm lành ở cõi khác, lập lại nói “Ánh sáng giữa chạn mây” là lập lại văn tổng nói điềm lành. Thiệp công đều không lập sáu điềm lành ở hai cõi. Chỉ nói đây trong hàng đầu, nửa hàng dịch đúng nửa hàng dịch sai. Lẽ ra phải nói đức Phật ở trong đại chúng nhập Tam-muội, Tam-muội đại sự, mà không nói phóng quang bởi vì văn dưới tự có. Nay cho rằng văn đây tự nó chính là tổng nêu điềm lành cõi khác, cho nên biết tự chưa hiểu ý chỉ của kinh, hướng chi người dịch sai! Đã là tổng điềm lành cõi khác, do đó không phân biệt chỉ chép tại bắt đầu trong lục thú. Tức một hàng đầu tụng tổng điềm lành, tiếp tụng riêng điềm lành. Đầu tụng trong lúc thứ nói lục sáu là năng thú nhân là bốn thú, và Thiên tuy tức phi nhân mà chỉ chung chủ thể chính là khắp lục thú (sáu đường). Trong đó hai câu đầu lược nêu trên dưới. “Các thế giới...” là nêu đầy đủ y báo chánh báo nhân quả. Đầu, “các thế giới”: là chỉ một vạn tám ngàn, chẳng những thấy hữu tình năng thú mà còn thấy các hữu sở thú, chẳng những thấy quả báo tốt xấu mà còn biết nghiệp duyên thiện ác, cho nên thấy lục thú chỉ là chỗ chọn căn cơ. “Lại thấy...”: nói “đấng Thánh chúa sư tử...”: “Thánh” tức là

chủ “cho nên nói” Thánh chủ. Có người nói: Là chủ trong Thánh, nghĩa là chủ đối với ngoại đạo, Bích-chi-phật, La-hán, Pháp thân Bồ-tát, các Thánh. Nay gọi là chủ của Hoa Nghiêm, chủ bạn mười phương thế giới, chẳng liên quan đến ngoại đạo nhị thừa, chỉ là chủ trong các bạn Bồ-tát. “Thánh chủ” như “Sư tử” cho nên nói vậy. Sư tử nói đủ như trong Đại kinh Đại luận nói Pháp môn Sư tử. Lại, “sư tử hồng”: gọi là “Quyết định thuyết”. Trong các trận mưa giáo trước thì chủ chẳng phải Sư tử hồng, thuyết chẳng quyết định, không bàn luận Đệ nhất nghĩa chân thật. Tuy nói kiêm Biệt, nhưng tối sơ đầu thuận Đại, cho nên nói Đệ nhất. Các trận mưa giáo trước cũng là tạp phiền não, cho nên chẳng “thanh tịnh”. Phó cơ chưa cùng khắp thì không gọi là “nhu nhuyễn”. Đầu thuyền giảng Trung đạo, cho nên nói “thâm diệu”. Xứng lý đương cơ, nên gọi là “ưa nghe”. Có chỗ nói: “Trong lòng Như Lai chủng Đại thừa hưng khởi, nên gọi là “thanh tịnh”, không hung bạo nên gọi là “nhu nhuyễn”. Đây là lấy báo chất của phàm phu thuộc cõi Dục và cõi Sắc để giải thích Phạm thanh của Phật, thật khổ biết bao! “Đều ở thế giới mình” : 1. Dùng một vạn tám ngàn làm “đều”. 2. Chủ bạn không đồng làm “đều”. Tin biết phải phán là Hoa Nghiêm giáo. Trước thì hai giáo và giữa thì ba vị, đều không có việc này. Hai giáo tám môn gọi là “chủng chủng”. Không có việc nhị thừa, gọi là “Phật pháp”.

“Nếu người...” là tụng Tứ đế... Người khác nếu không dùng Hoa Nghiêm để tiêu văn thì “gặp khổ” rồi. Nếu trước bắt đầu từ Lộc-uyển thì lẽ nào có câu văn “Đều ở thế giới mình”? Bởi vì trong tiểu thừa không có mười phương Phật. Sau đốn thì tiệm bắt đầu chỉ có Lộc-uyển Tam tạng tam thừa. Sơ thừa Tứ đế cho đến Phật tử ba tướng rõ ràng, vì sao không dùng năm thời để tiêu văn? Trong văn trước nêu hạnh năng chán, chán không khắp nên chưa được gọi là “tận”. Chán cả hai nhân và quả cho đến “nói Niết-bàn”, mới chính là chán tận cùng. Tại văn rõ ràng, khổ gồm nhân quả tức khổ Tập đế, “chán lão bệnh tử” tức Đạo đế, “nói Niết-bàn” tức Diệt đế. Cũng có thể nói : “vì nói” là kiêm Đạo đế, đạo Niết-bàn tức Đạo đế, sở chứng lý diệt tức Diệt đế. Lại, “gặp khổ” là tổng nêu, nhằm “chán lão bệnh tử” là biết Khổ, biết khổ nên đoạn Tập, “vì nói Niết-bàn” là biết Diệt, biết diệt vì tu Đạo. “Nan-đà trì giới”: đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. “Bích-chi-phật”: chỉ nói nguyên do đắc quả và để “câu pháp thù thắng”. Nếu theo lệ Thanh văn thì cần phải nêu hành tướng...

“Nếu có Phật tử...”: là khai lục độ Đại thừa, “tu chủng chủng hạnh” và “vô thượng tuệ”, các giáo cùng có. Nay bắt đầu hình phàm

phu Tiểu thừa cũng được tên “chủng chủng” và “vô thượng”. Không lẫn lộn phạm phu, Tiểu thừa, được gọi chung là “tịnh”. “Chẳng phải Tất cánh tịnh” : lại căn cứ Tam tạng giáo Lục độ mà nói, “như trong dượt không có bệnh”, gọi là “tịnh”. Nếu muốn nơi đây biện rõ tứ Tất-đàn thì: Tam thừa hạnh khác là Thế giới, Duyên giác là Vị nhân, Thanh văn là Đối trị, Bồ-tát là Đệ nhất nghĩa. Huống chi mỗi mỗi đều đầy đủ tứ Tất-đàn. Tam thừa căn cứ giáo, chuẩn theo lệ có thể biết. Giải thích theo Bản tích Quán tâm thì cũng có thể hiểu. Văn dưới trở xuống các độ tùy văn lược để hiểu. “Lại, Thanh văn...” là căn cứ một đường đương giáo mà nói. Nên biết: Thông giáo Tam thừa, đều dùng giới nội Diệt để làm sơ môn, Biệt giáo Bồ-tát thì dùng giới ngoại Đạo để làm sơ môn, người Viên giáo thì dùng lấy giới ngoại Diệt để làm sơ môn. Trong đây nêu rõ do hào quang mà tạm thấy, không hợp ý rộng cầu pháp tướng, chỉ lược có thể tiêu biểu đồng nơi lý, tức đủ. Nếu luận tu hạnh mới có thể biện rộng, thì dùng ba mươi một hàng rưỡi bên dưới để rộng nêu hai vị, cho nên phán định văn đây chỉ có Tam tạng. “Kết trước khai sau”: Trong kết trước, nói thấy nghe và sự, căn cứ giáo tiệp đốn đều nói: “diễn thuyết” và “vì thuyết...”, tức là nghe...

“Lại thấy có Phật tử...” tức là thấy, trong phần thấy “chủng chủng” phần nhiều đều là sự. Đại cương lược đủ nên gọi là “đường ấy đó”. Các điểm đồng thì lược cho là “ngàn ức việc”. Nói “khai sau” là tiếp sau mà nói, cho nên nói: “nay sẽ”, và trong văn “ngàn ức việc” đã xếp đặt. Nay nên cả hai buộc, cũng có thể bốn câu trước là kết trước. “Như thế...” : hai câu khai sau, nói lan cúc đây hữu tại. Từ đây xuống ba mươi một hàng rưỡi tụng, là phần văn chỉ nói Bồ-tát tu hành. Đã ở sau Lộc uyển lại ở trước Niết-bàn, căn cứ dưới giải thích Bát-nhã bao gồm hai tô, do Pháp Hoa tướng chưa quyết liễu. Từ chấp nhận giải thích đó, tuy căn cứ hai tô mà giáo phần nhiều tại tam, như trước phân biệt. Nên các độ căn cứ giáo trước Biệt Viên, phần nhiều không nói giáo, bao hàm hai ý: 1. Như vậy. 2. Giải thích nghĩa. Chuẩn theo bộ thì thông bốn khiến biết như trước mắt, bởi vì trong trường hàng đã nói đủ Phương-đẳng Bát-nhã. Trong phần tổng vấn, kinh nói “hằng sa”, tức là bốn phía ao A-nậu-đạt đều xuất một sông. Cửa khẩu Đông Ngân-ngư chảy ra sông Căng-già, cửa khẩu Nam Kim-tượng chảy ra sông Tín-độ, cửa khẩu Tây Lưu-ly-mã chảy ra sông Phục-sô, cửa khẩu Phả-chi-ca chảy ra sông Đô-đa, đều nhiều quanh ao một vòng rồi chảy vào bốn biển. Trong số đó, sông Căng-già cát nhỏ mà nhiều, người ngoại đạo chấp cho là sông Phục, vào sông đó tắm rửa thì sẽ được diệt tội, đức Phật cũng thuận theo thế

tục cho nên thường nói đến. Lại đức Phật thuyết pháp phần nhiều gần con sông này, cho nên lấy làm thí dụ. Dưới đây lục độ chỉ lược chỉ bày đại thể, nếu y hai vị thì nêu đầy đủ tương kia như trong Chỉ Quán quyển hai và quyển bảy dẫn rõ.

Hỏi: Đã nói Phương-đăng Bát-nhã thì cũng nên có đầy đủ hai giáo Nhị thừa, đâu được hỏi tổng chỉ cầu Phật đạo?

Đáp: Thật như đã hỏi, chỉ sợ văn rườm rà, lại đồng Lộc-uyển, cho nên lược không nói.

“Xe tứ mã”: Xe bốn ngựa cùng kéo nên gọi là “tứ”. Chữ “Hiệp” có âm đọc là phiên thiết của hai chữ “Hô” và “Thiếp”, có nghĩa là hào phóng. “Văn-thù...”: Kinh dạy: “Qua đến chỗ của Phật”: tiêu biểu không phải qua chỗ khác, cho nên chỉ “chỗ của Phật”. Điều được hỏi là tôn quý cùng cực, nên nói “vô thượng đạo”, cái bị vứt bỏ không nhẹ, nên nói “bỏ nước vui vẻ”, thân tâm đều lìa nên nói “cạo sạch râu tóc” Như vậy hiểu giải thích, thế tục cùng có. Phàm các giải thích nói quý tại giáo tông, hiển lý tinh vi dứt sự rườm rà. “Kinh Ngũ Vương”: Đây là một quyển Tiểu kinh. Kinh nói: “Xưa có năm nước năm vua thân cận không đấu tranh, có một vị đại vương tên là Phổ An tu tập Bồ-tát hạnh, bốn vua còn lại theo tà kiến mãnh liệt. Vua Phổ An thương xót gọi đến trên điện bảy ngày bảy đêm vui thú thọ lạc. Bốn vị vua ấy nói: Việc nước rất nhiều, xin để chúng tôi về nước. Đại vương Phổ An tự tiễn và sai người hầu tiễn, đến giữa đường thì hỏi rằng: Các vị ưa thích điều gì? Một vị nói: Mong được trẻ mãi hằng ngày vui chơi xuân. Một người nói: Mong thường làm vua các thứ nghiêm (trang) sức, nhân dân theo hầu, trên đường mọi người nhìn theo. Một người nói: Mong được vợ con đẹp để đoan chánh vô song. Một người nói: Mong cha mẹ thường còn, có nhiều anh em, thức ăn ngon quý, âm nhạc đầy đủ các thứ cùng nhau vui thú giải trí. Mỗi người đều nói ý mình rồi hỏi lại: Đại vương muốn gì? Đáp: Ta trước nói sở nguyện các ông không thể kéo dài, nếu ưa trẻ mãi vui chơi xuân thì đông đến khô héo, nếu ưa làm vua thì đến khi hết phước sát phạt lẫn nhau, nếu ưa vợ con đẹp... thì một sớm một mai tật bệnh chịu khổ vô lượng. Nếu ưa cha mẹ thường còn thì một sớm hữu sự, bị người bắt lấy. Bốn vị vua lại hỏi: Đại vương mong muốn thế nào? Đáp: Ta mong muốn không sinh không diệt, không khổ không vui, không đói không khát, không lạnh không nóng, còn mất tự tại. Bốn vua lại hỏi: Mong muốn như vậy ở đâu có? Nơi nào có thầy? Đại vương nói: Thầy ta là Phật, ở tại Kỳ Hoàn. Các vua vui mừng liền cùng đến chỗ Phật ngồi một bên bạch Phật và tự trách mình. Đức Phật liền vì các

vua mà dạy tám khổ. Các vua và những người theo hầu, trăm ngàn vạn người đều đắc quả Tu-đà-hoàn, bỏ nước tu đạo. Tướng Đại lược đồng. Đã nói “hỏi vô thượng đạo” thì chẳng liên quan đến Tiểu quả, nhưng căn cứ “bỏ nước xuất gia” sự đồng, cho nên nay dẫn. Trong hào quang thấy cũng có tám thứ khổ, lấy làm trợ hạnh, các giáo cùng chung cho nên bỏ nước là sự đồng. Quán hạnh phải phân biệt để phân các giáo. Lại, như Trường A-hàm nói: Có bốn Luân vương, phân nơi một nước mượn người cạo đầu. Đã nói các vua căn cơ đây chẳng phải một. Văn dưới lại thấy cũng thông các căn cơ.

